

Số: 967 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Hải Phòng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018;

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 46/TTr-SGTVT ngày 29/3/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **10/4/2024**.

Thủ tục hành chính có số thứ tự 5,6 phần II. Lĩnh vực Đường thủy nội địa mục A và Thủ tục hành chính có số thứ tự 29 phần II. Lĩnh vực Đường thủy nội địa mục B được ban hành kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hải Phòng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ GTVT;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, CĐAN HP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, XDTCT;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, KSTTHC5

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**  
(Kèm theo Quyết định số: 967/QĐ-UBND ngày 23/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố)

**A. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là "Không quy định")	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
1	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	07 ngày làm việc	Sở Giao thông vận tải	Không quy định	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí



TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là “Không quy định”)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
								dưới nước
2	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến tường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	07 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước
3	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội	02 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là "Không quy định")	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
		địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát						48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước
4	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	03 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước



TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là "Không quy định")	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
5	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước
6	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là "Không quy định")	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
								động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước
7	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	02 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	Toàn trình	Trả kết quả	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước

